



Nguồn nhân lực, thị trường lao động Trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta

NGUYỄN QUỐC TẾ (*)

Tại Đại hội X Đảng cộng sản VN, Đảng và Nhà nước ta đã tiếp tục khẳng định mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH là phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả 3 mặt: sở hữu, quản lý và phân phối. Một trong những mục tiêu của phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2001-2010) là hình thành về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Ở nước ta

vận hành thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng XHCN chẳng ta cần phải tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước, trong đó có việc phát huy vai trò, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

1. Dân số nguồn của lao động - yếu tố thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội

Dân số luôn là vấn đề không chỉ có các nhà khoa học, các chuyên gia mà ngay cả các chính phủ, các tổ chức chính trị xã hội đều rất quan tâm. Thực tế cho thấy rằng, không chỉ có ngày nay mà cả trước kia, không chỉ đối với nước ta, mà bất cứ một nước nào trên thế giới, không chỉ đối với các nước ít dân mà các nước nhiều dân đều phải có những chính sách phù hợp trong phát triển dân số.

Sự quan tâm đó không chỉ vì sức ép của bùng nổ dân số, vì vấn đề cái ăn, cái mặc của lớp người mới ra đời, mà điều quan trọng là ở chỗ: Dân số nguồn của lao động là sức mạnh của bất cứ một quốc gia nào ở mỗi thời kỳ.

Chúng ta thấy rằng, các quá trình dân số có liên hệ chặt chẽ, chịu ảnh hưởng và tác động đến quá trình phát triển kinh tế xã hội không chỉ trong phạm vi quốc gia mà cả phạm vi quốc tế.

Ở nước ta trong những năm qua do chính sách phát triển dân số đúng đắn, đặc biệt là chủ trương "kế hoạch hóa gia đình" đã phát huy tác dụng tốt, nhờ đó đã kìm giữ được tốc độ tăng dân số hàng năm chỉ xấp xỉ 1,1 - 1,25%. Mặc dù, sau bao nhiêu năm chiến tranh, tình trạng ly tán gia đình chấm dứt, bù vào đó là sự

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Đại học kinh tế TP HCM

đoàn tụ gia đình và điều kiện kinh tế được cải thiện đã tạo điều kiện cho dân số nước ta "tăng bù" sau thời gian đó. Sự phát triển hợp lý của dân số trong khoảng 30 năm trở lại đây tạo cho nét nổi bật của dân số nước ta đại bộ phận ở độ tuổi rất trẻ, tỷ lệ trẻ em (0-14 tuổi) và người ở độ tuổi 60 trở lên chiếm trên 40% dân số. Như vậy gần 60% tỷ lệ dân số ở độ tuổi lao động (trong đó có khoảng 85% đang hoạt động kinh tế) là rất thuận lợi cho quá trình CNH, HĐH đất nước. Các nhà khoa học gọi đó là thời kỳ "vàng", thời kỳ đó nếu có chính sách dân số hợp lý sẽ được kéo dài trong khoảng 25 - 30 năm, sau đó sẽ có sự thay đổi do nhận thức về gia đình và nếp sống của những người trong độ tuổi kết hôn và sinh đẻ. So với một số nước phát triển ở châu Âu, châu Mỹ và Nhật, nơi mà tỷ lệ người cao tuổi chiếm tới 25% thì cấu trúc dân số VN hiện nay có tiềm lực rất mạnh để phát triển kinh tế, song nó cũng là thách thức lớn nếu chúng ta không đáp ứng yêu cầu về việc làm và nâng cao chất lượng lao động.

Trong thế giới hiện đại, khi chuyển sang nền kinh tế dựa chủ yếu vào tri thức và trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về vai trò quyết định của nguồn lực con người trong phát triển, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế gần đây đã chỉ ra rằng, một nền kinh tế muốn tăng trưởng nhanh và ở mức cao phải dựa trên ít nhất 3 trụ cơ bản là: áp dụng công nghệ mới, phát triển hạ tầng cơ sở hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong đó, yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế bền vững chính là con người, là nguồn nhân lực chất lượng cao, được đầu tư phát triển, tạo lập kỹ năng, kiến thức, tay nghề, kinh nghiệm năng lực sáng tạo để trở thành nguồn vốn quý giá, vốn nhân lực.

Bên cạnh đó, nếu xem xét dưới góc độ phát triển bền vững bao gồm tăng trưởng kinh tế, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường thì phát triển nguồn vốn con người, vốn nhân lực vừa là động lực, vừa

là mục tiêu cuối cùng là đỉnh cao nhất của quá trình phát triển mỗi quốc gia. Bởi vì điều đó gắn liền với phát triển con người và lấy con người làm trung tâm của sự phát triển. Tuy nhiên, nguồn lực con người đó phải được phát triển và huy động tối đa vào quá trình phát triển kinh tế xã hội, đòi hỏi có đủ việc làm, tiến tới việc làm có năng suất và được tự do lựa chọn, trên cơ sở giải phóng mọi tiềm năng lao động thì mới trở thành nguồn lực, động lực và là yếu tố cơ bản nhất của sự phát triển bền vững. Biểu số 1 dưới đây phản ánh nguồn lao động VN qua các năm gần đây:

Từ số liệu ở Bảng 1, chúng ta nhận xét lực lượng lao động chiếm tỷ trọng cao trong dân số. Trong các năm 2004, 2005,

của chuyển dịch lao động được duy trì và phát triển trong năm 2006. Mặt khác, từ số liệu trên chúng ta thấy dân số và lao động qua các năm gần đây cũng có xu hướng giảm, nếu như năm 2005, dân số và lao động so với cùng kỳ đều tăng, cụ thể dân số tăng 1,3% và nguồn lao động tăng 2,30% thì đến năm 2006 so với 2005, tỷ lệ này có xu hướng giảm, dân số chỉ tăng 1,21% và nguồn lao động chỉ tăng 2,08%. Sở dĩ có kết quả trên là nhờ chính sách dân số được thực hiện một cách nghiêm ngặt, đã có tác dụng giảm được tỷ lệ tăng tự nhiên dân số và do vậy việc tăng nguồn lao động cũng được kiểm chế.

Nguồn lao động, là con người ở đây được xem xét trong mối quan hệ thống

Bảng 1: Quy mô dân số và nguồn nhân lực

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	2004	2005	2006	So sánh	
						2005/ 2004	2006/ 2005
1	Dân số	Người	82.032.000	83.104.900	84.108.100	101,30	101,21
	- Thành thị	%	26,50	26,51	27,13	+ 0,01	+0,62
	- Nông thôn	%	73,50	73,49	72,87		-1,42
2	Lực lượng lao động	Người	41.586.300	42.542.700	43.436.100	102,30	102,08
	Cơ cấu phân bố:						
	- Nông - lâm - ngư	%	58,70	57,20	55,70	-1,50	-1,51
	- Công nghiệp xây dựng	%	17,40	18,30	19,10	+0,89	+0,90
	- Dịch vụ	%	23,90	24,50	25,20	+0,60	+0,70
	- Lao động trong độ tuổi	%	94,30	94,40	94,37	+0,10	-0,03
	- Lao động ngoài độ tuổi	%	5,70	5,60	5,63	+0,10	+0,03

Nguồn: Kinh tế 2006 - 2007, VN & Thế giới, Thời báo Kinh tế VN, trang 33. Kết quả điều tra lao động việc làm hàng năm, ngày 1.7.2005, Bộ lao động, thương binh và xã hội.

2006 mặc dù có biến động song tỷ trọng lao động trong dân số vẫn đạt trên 50%, đặc biệt trong năm 2006 tỷ lệ này đạt tới 51,65%. Bên cạnh đó theo kết quả điều tra lao động hàng năm, năm 2005 trong tổng số lao động của cả nước, khu vực thành thị có 11.071,1 ngàn người chiếm 24,9% và khu vực nông thôn có 33.313,9 ngàn người chiếm 75,1%. Nếu chúng ta so sánh với cùng kỳ, thì lao động khu vực thành thị đã tăng lên 0,5%, điều này thể hiện kết quả của quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những năm qua đã đạt được những thành tích đáng kể. Điều đáng chú ý là mặt tích cực

nhất giữa 2 mặt: Một là, con người với tư cách là chủ thể sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần, là yếu tố, là lực lượng sản xuất cơ bản nhất của quá trình sản xuất, tạo ra giá trị vật chất và tinh thần; hai là, con người là người sử dụng và tiêu dùng của cải vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển, thông qua quá trình phân phối và phân phối lại.

Do vậy, nguồn lực con người, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao luôn luôn là nguồn lực to lớn của sự phát triển kinh tế xã hội, là yếu tố vật chất quan trọng nhất, quyết định nhất của lực lượng sản xuất, của nền kinh tế, của xã

hội trực tiếp sử dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật - công nghệ mới vào quá trình sản xuất, và là một trong những yếu tố quyết định nhất đến tăng trưởng kinh tế.

2. Cung - cầu của thị trường lao động nước ta trong quá trình hội nhập

Thị trường lao động là một phạm trù tất yếu của nền kinh tế thị trường, điều đó có nghĩa là khi phát triển nền kinh tế thị trường, thị trường lao động như là yếu tố cấu thành không thể thiếu trong quá trình vận hành của nền kinh tế. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện lịch sử cũng như điều xuất phát của nền kinh tế cùng với các cơ chế chính sách liên quan mà thị trường lao động ở mỗi nước có biểu hiện không giống nhau.

Ở nước ta, trong một thời kỳ dài thị trường lao động không chấp nhận hay ít ra khái niệm với thị trường lao động không được đề cập. Bởi vì, kinh tế xã hội chủ nghĩa với cơ chế kế hoạch hóa tập trung đã không chấp nhận sự tồn tại của phạm trù bóc lột trong quan hệ lao động.

Từ năm 1986, khi đất nước tiến hành đường lối đổi mới, nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường với các thành phần kinh tế khác nhau, sự xuất hiện thị trường lao động như là xu thế khách quan.

Thị trường lao động VN là một trong những thị trường quan trọng và cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ X đã xác định: "Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo môi trường thông suốt để phát triển thị trường lao động theo hướng gắn kết cung - cầu lao động, đa dạng hóa các hình thức giao dịch việc làm, phát huy tính tích cực và bảo đảm quyền của người lao động lựa chọn chỗ làm việc". Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới thị trường lao động VN từ chỗ kém phát triển đã từng bước hình thành, tuy nhiên quy mô còn hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng. Do vậy, phát triển thị trường lao động làm cho lực lượng lao động thực sự phát huy hết vai trò trụ cột của nền kinh tế cần phải

gắn kết được các yếu tố cung - cầu, yếu tố cấu thành cơ bản của thị trường lao động nước ta trong quá trình hội nhập.

Thị trường lao động định hướng XHCN ở nước ta là thị trường lao động được hình thành và phát triển trên cơ sở đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Do vậy các yếu tố liên quan đến thị trường lao động như cung lao động, cầu lao động, giá cả sức lao động và cạnh tranh trên thị trường lao động đều chịu ảnh hưởng sự chi phối của Nhà nước XHCN phù hợp với quan hệ lao động mới ở cả 3 mặt: sở hữu, quản lý và phân phối.

Cung lao động ở một thời kỳ, bao

của cung còn phụ thuộc vào trình độ dân trí, chất lượng của hệ thống giáo dục đào tạo và dạy nghề ở mỗi thời kỳ. Năm 2006, lực lượng lao động cả nước là 43.436,1 ngàn người, nếu chúng ta so sánh năm 2005 với năm 2004 và các năm trước thì đều tăng bình quân trên dưới 2% năm. Nét nổi bật của người lao động nước ta đại bộ phận đang ở khu vực nông thôn, đang ở các ngành nông - lâm - thủy sản và với trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp, số liệu ở Bảng 2 dưới đây cho chúng ta thấy điều đó.

Như đã phân tích ở trên, lực lượng lao động của cả nước dồi dào, tuy nhiên phân bố không đều giữa các khu vực các ngành đang là nguyên nhân hạn chế đến

Bảng 2: Lực lượng lao động phân theo khu vực & trình độ chuyên môn kỹ thuật.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2004	2005	2006	So sánh	
						2005/ 2004	2006/ 2005
1	Lực lượng lao động	Người	41.586.300	42.542.700	43.436.100	102,30	102,08
2	Lao động khu vực thành thị	%	24,42	24,94		+0,52	
3	Lao động khu vực nông thôn	%	75,58	75,06		-0,52	
4	Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	%	5,6	5,31	4,4	-0,29	-0,91
5	Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn	%	79,1	80,65	81,79	+1,55	+1,14
6	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						
	- Đã qua đào tạo	%	22,57	24,79	31,39	+2,26	+6,6
	- ĐH, CĐ và SĐH	%	4,83	5,27		+0,44	
	- Nghề & CN Kỹ thuật	%	13,37	15,22		+1,85	

Nguồn: Niên giám thống kê 2006 - NXB Thống kê. Hà Nội 2007 và Kết quả điều tra lao động việc làm hàng năm, 1.7.2005, Bộ lao động, thương binh và xã hội.

gồm trước hết ở những người lao động trong độ tuổi theo luật pháp quy định, có khả năng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân và một bộ phận tuy chưa có việc làm song có nhu cầu tìm việc. Cung lao động trên thị trường lao động phụ thuộc vào các nhân tố cơ bản sau đây: Quy mô và tốc độ tăng của dân số, của nguồn nhân lực, tỷ lệ tham gia của lực lượng lao động, độ dài thời gian làm việc của người lao động. Bên cạnh số lượng, chất lượng lao động

mặt cung. Lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn vẫn chiếm tỷ trọng hơn 70%, trong khi đó, thời gian lao động nông nghiệp mới sử dụng được trên dưới 80% (290/365), mặc dù đã đạt được mục tiêu đề ra của kế hoạch 5 năm (tăng $1,4 \div 1,5\%$ năm) song tỷ lệ thời gian nông nhàn ở khu vực này vẫn còn cao, trong chừng mực nào đó thể hiện chuyển dịch cơ cấu ngành nghề trong nội bộ khu vực nông nghiệp, nông thôn chưa phát triển.

Trong quá trình CNH, HĐH đặc biệt là đòi hỏi của nền kinh tế tri thức, chất lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao của lao động là điều kiện có ý nghĩa quyết định đến tăng năng suất lao động. Chất lượng lao động biểu hiện trước hết ở tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đang làm việc ở các ngành KTQD. Từ số liệu ở bảng 2, chúng ta thấy tỷ lệ lao động đã qua đào tạo qua các năm mới đạt xấp xỉ 25%, mặc dù trong những năm gần đây, tỷ lệ qua đào tạo có tăng lên, năm 2005 so với cùng kỳ tăng 2,2%, đặc biệt năm 2006, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 31,39%, tăng 6,6% so với năm 2005, chủ yếu tăng số công nhân kỹ thuật, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công cuộc phát triển đất nước và từng bước hội nhập quốc tế. Rõ ràng, để phát triển sản xuất, để thực hiện đường lối “đi tắt, đón đầu” của CNH, HĐH thì việc đẩy nhanh đào tạo nghề là việc làm có ý nghĩa cần thiết.

Thực tế trong thời gian qua, chúng ta còn gặp phải mất cân đối trong đào tạo giữa đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề. Lực lượng lao động công nhân kỹ thuật có tay nghề cao thiếu trầm trọng, lực lượng lao động có trình độ đại học và cao đẳng chiếm tỷ trọng cao, tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” trong vấn đề “cung” của lao động đang đòi hỏi chúng ta phải có chính sách đồng bộ để phát triển và nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động. Mô hình hợp lý của thế giới là 1 đại học, cao đẳng, 4 trung cấp chuyên nghiệp và 10 công nhân kỹ thuật, thì ở nước ta hiện nay tỷ lệ tương ứng là: 1/0,98/3,03. Trong quá trình hội nhập, vấn đề đáp ứng nhu cầu lao động không chỉ bó hẹp trong phạm vi quốc gia, vùng lãnh thổ, mà cần phải xuất khẩu lao động, nếu chúng ta chỉ xuất khẩu lao động giản đơn, lao động phổ thông, trong khi đó lại phải nhập khẩu lao động có trình độ cao, giỏi tay nghề để đáp ứng phát triển của các loại hình doanh nghiệp với công nghệ cao, thì hiệu quả sẽ rất khác biệt. Do

vậy, nghiên cứu và giải quyết tốt yêu cầu cung của lao động phải được chú ý cả hai mặt: số lượng và chất lượng.

Cầu của lao động là toàn bộ nhu cầu về sức lao động của nền kinh tế (của một đơn vị kinh tế) ở một thời điểm nhất định, bao gồm số lượng và chất lượng, thường được xác định thông qua chỉ tiêu việc làm.

Việc làm, được Luật lao động ghi rõ, đó là mọi hoạt động lao động (kết hợp sức lao động và đối tượng lao động) tạo ra thu nhập, không bị pháp luật ngăn cấm. Người làm việc là người có việc làm mang lại tiền công hoặc thu nhập. Về cơ bản nhu cầu việc làm là nhu cầu bình thường của người có sức lao động, trách nhiệm của xã hội là tạo ra việc làm cho họ.

Trong những năm qua, nhờ vào đường lối đổi mới đã mang lại cho đất nước tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong nhiều năm, đã tạo điều kiện để thu hút lao động, bởi vì tăng trưởng kinh tế là gốc để thu hút việc làm.

Điểm xuất phát của nguồn lao động nước ta là nông nghiệp, nông thôn, lao động làm việc ở các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng cao và năng suất thấp. Bảng 1 cho chúng ta thấy lao động trong các ngành nông - lâm - ngư đang chiếm tới trên 50% (năm 2006: 55,70%). Điều này cần được coi là nội dung cơ bản của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động trong những năm trước mắt. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhờ các yếu tố vì mô tác động lên cầu của lao động, đặc biệt là cơ chế chính sách của Nhà nước đã tạo điều kiện cho cầu của lao động được phát triển mạnh mẽ. Nhìn chung, cầu lao động của nền kinh tế có xu hướng tăng cả về số lượng lẫn chất lượng. Năm 2006, so với năm 2000, tổng số lao động đang làm việc của cả nước tăng 5.826,5 ngàn người, bình quân hàng năm tăng gần cả triệu người lao động. Cơ cấu lao động có việc làm chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ lệ lao động có việc làm ở khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm tỷ lệ lao động ở khu vực nông - lâm - ngư.

Mặt khác, nhờ vào việc phát triển của kinh tế thị trường, phát triển các thành phần kinh tế, khu vực dân doanh, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã tạo điều kiện để thu hút lao động. Trong số lao động tăng thêm của năm 2006, thì đại bộ phận lao động đang làm việc ở khu vực dân doanh và khu vực FDI, đây là những khu vực đang làm ăn có hiệu quả thu hút đại bộ phận số lao động tăng thêm có việc làm.

Việc làm và thất nghiệp là những nội dung quan trọng của yếu tố cầu thị trường lao động ở nước ta. Trong những năm qua chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc trong lãnh vực việc làm và giảm tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt là thất nghiệp ở khu vực thành thị. Để giải quyết việc làm, chúng ta phải phát triển cầu, phải tạo môi trường thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế, từ đó giải phóng sức sản xuất để phát triển kinh tế của đất nước.

3. Phát triển thị trường lao động, hội nhập kinh tế trong điều kiện toàn cầu hóa

Thực hiện đường lối chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các mặt kinh tế xã hội, tạo tiền đề để trở thành nước công nghiệp vào những năm đầu của thập niên 2020. Để đạt mục tiêu đó, đường lối CNH, HĐH trong quá trình phát triển đất nước đã định hướng cho sự phát triển của thị trường lao động trong thời kỳ mới, đó là hội nhập kinh tế, là sự tham gia ngày càng sâu vào quá trình phân công lao động của quốc tế khi nước ta đã trở thành thành viên của WTO.

Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế trong điều kiện VN đã trở thành thành viên chính thức của WTO từ tháng 1 năm 2007, điều đó vừa là cơ hội vừa là thách thức. Cơ hội lớn nhất đó là việc làm được mở ra, nhu cầu việc làm tăng lên một cách nhanh chóng do thị trường được mở rộng. Song, cũng chính điều đó thị trường lao động nước ta gặp phải sự bất cập đó là sự phù hợp giữa số lượng và

chất lượng, là yếu tố cung – cầu trong phát triển thị trường lao động.

Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ đề cập một số vấn đề cơ bản để phát triển thị trường lao động VN trong thời gian tới.

Thứ nhất, phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực.

Chất lượng dân số và chất lượng nguồn nhân lực có liên quan chặt chẽ với nhau, chất lượng dân số biểu hiện ở sức khỏe, học vấn, phân bố và sử dụng dân số bước vào độ tuổi lao động. Ở nước ta, do quy mô dân số khá lớn nên có nguồn lao động dồi dào với hơn 40 triệu người và được tăng lên hàng năm. Đặc trưng nổi bật của nguồn lao động nước ta là cần cù, chịu khó, tiếp thu nhanh. Đây có thể coi là yếu tố thuận lợi trong phát triển kinh tế nếu chúng ta biết kết hợp và giải quyết tốt mối quan hệ lao động. Trong những năm qua, đặc biệt là từ thực tiễn của việc thực hiện chỉ thị 100/CT-BBT của Ban bí thư ngày 13.01.1981 và Nghị quyết X của Bộ chính trị của Đại hội Đảng lần thứ VI, năm 1988 về khoán hộ đối với nông nghiệp, nông thôn, nhờ đó đã mang lại một sinh lực to lớn trong phát triển kinh tế của đất nước, trước hết là trong lãnh vực nông nghiệp, nông dân. Trong công nghiệp, các chủ trương về kế hoạch 3 phần, về khoán sản phẩm cuối cùng vào những năm đầu của thập niên 80 đã thực sự tạo ra sự chuyển biến tích cực cho phát triển của các ngành công nghiệp thông qua việc giải quyết tốt mối quan hệ về lợi ích: nhà nước, tập thể và người lao động.

Mặc dù cũng có các ý kiến khác nhau về mối quan hệ giữa dân số và nguồn lao động và sức ép dân số đối với nguồn lao động, song thực tiễn của quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong nhiều thập kỷ qua đã chỉ ra rằng: Phát triển nguồn nhân lực trước hết là đầu tư vào vốn con người thông qua các hoạt động giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, xóa đói giảm nghèo, đồng thời tạo điều kiện để phát huy dân chủ, bình đẳng với các cơ hội của mỗi người được coi là hiệu quả nhất, quyết định khả năng tăng trưởng kinh tế nhanh và bền

vững của mỗi quốc gia. Phát triển thị trường lao động nhằm tạo ra các yếu tố thu hút nguồn lao động đến với việc làm, đồng thời tạo điều kiện để khai thác hết động lực làm việc thông qua các chính sách liên quan đến người lao động, từ đó xuất hiện môi trường cạnh tranh lành mạnh để nâng cao năng suất lao động.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế yếu tố tích cực tác động đến cung – cầu lao động.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý là nhằm khơi dậy mọi nguồn tiềm năng tạo ra động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội nhằm đáp ứng cho yêu cầu của hội nhập. Do vậy, nói đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế tức là nói đến tìm kiếm khả năng phát huy triệt để nguồn lực sức lao động, nguồn lực quý giá của đất nước.

Từ số liệu của Bảng 1 chúng ta thấy, dân số trong độ tuổi lao động vẫn tiếp tục tăng cả tuyệt đối và tương đối, nếu năm 2000 là 37.609,6 ngàn người thì đến năm 2006 đã đạt tới 43.436,1 ngàn người. Nghĩa là mỗi năm chúng ta có khoảng 1 triệu lao động mới tham gia hoạt động kinh tế, chưa kể số lao động thất nghiệp hàng năm khoảng 4,5 ÷ 5% cần phải bố trí việc làm. Kết quả phân tích ở trên chúng ta thấy sức ép về cung lao động vẫn còn rất lớn mà nền kinh tế nước ta phải đối mặt. Mặt khác, thực tế hiện nay đại bộ phận lao động vẫn tập trung ở nông thôn. Phương hướng phát triển cung của lao động đặc biệt tập trung vào khía cạnh chất lượng của lao động. Với số liệu hiện nay hơn 70% lao động chưa qua đào tạo đang là vấn đề bức xúc, mặt khác số được đào tạo lại không phù hợp về cơ cấu, đặc biệt là nặng về lý thuyết thiếu khả năng chuyên môn và kỹ năng thực hành, do vậy mặc dù có lực lượng lao động dồi dào, song thực tế yêu cầu của doanh nghiệp hiện nay là vừa thừa vừa thiếu.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn đồng nghĩa với tác động vào cầu của thị trường lao động. Phát triển cầu lao động trước hết phải nhằm vào khả năng thu hút lao động của nền kinh tế quốc dân, tức là chuyển dịch cơ cấu lao động theo

ngành kinh tế. Như vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành sẽ làm cho lao động làm việc trong nhóm ngành nông, lâm, ngư giảm xuống cả về mặt tuyệt đối và tương đối, lao động làm việc trong nhóm ngành xây dựng, công nghiệp và dịch vụ thương mại sẽ tăng lên, đó là xu hướng tích cực. Nhìn vào Bảng 2, chúng ta thấy trong vòng 6 năm chuyển dịch cơ cấu lao động đã diễn ra tích cực từ 24.481 ngàn lao động trong ngành lâm - ngư năm 2000, đến năm 2006 chỉ còn 24.172,3 ngàn. Về mặt số tương đối đã giảm từ 65,1% xuống còn 55,7%. Tuy nhiên, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các nhóm ngành còn chậm. Lao động trong khu vực nông – lâm – ngư với năng suất thấp vẫn còn lớn, lao động trong các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ tăng lên chưa đáng kể, phần lớn lại làm việc ở các ngành gia công, giá trị gia tăng sản phẩm thấp.

Do vậy, mở rộng cầu của lao động đối với nước ta một mô hình được chú ý phải là: “đầu tư – tăng trưởng kinh tế”. Chúng ta còn nghèo, chưa có điều kiện để tự tích lũy đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, điều chúng ta cần làm là tạo nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài vào để phát triển kinh tế là vấn đề rất quan trọng. Mô hình “đầu tư – tăng trưởng kinh tế” sẽ tạo được nhiều công ăn việc làm do mối liên hệ chặt chẽ giữa vốn và lao động. Bên cạnh thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài, điều quan trọng, cần thiết là khai thác và huy động nguồn vốn từ trong dân mở rộng khu vực dân doanh. Tốc độ tăng trưởng và quy mô của vốn đầu tư từ Nhà nước, khu vực dân doanh và khu vực FDI sẽ thúc đẩy trực tiếp tới tốc độ và quy mô của việc thu hút lao động vào hoạt động kinh tế, thị trường lao động sẽ phát triển.

Thứ ba, nâng cao nhận thức về phát triển nguồn nhân lực trong quá trình hội nhập.

Có thể nói trong điều kiện hiện nay phát triển nguồn nhân lực đồng nghĩa với phát triển thị trường lao động. Thị trường lao động gắn liền với vấn đề cung – cầu về sức lao động trong nền kinh tế. Do vậy, phát triển nguồn nhân lực, giải

quyết tốt quan hệ cung - cầu của thị trường lao động phải được coi là khâu đột phá, đi trước để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Xuất phát từ điều kiện cụ thể, trong những năm trước mắt, đặc biệt khi đã là thành viên của WTO, chúng ta cần phải xác định rõ phát triển nguồn nhân lực là trách nhiệm của Nhà nước, toàn xã hội, mỗi tổ chức của mỗi công dân. Nhà nước quản lý vĩ mô thông qua luật pháp và chính sách phù hợp nhằm phát huy hết lợi thế so sánh là nguồn nhân lực phong phú, mỗi tổ chức, cá nhân cần nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình trong việc chủ động đào tạo, bồi dưỡng, phân bổ và sử dụng hợp lý nguồn lao động.

Chúng ta biết rằng, một trong những thách thức hàng đầu đặt ra đối với nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới hiện nay là bất cập về nguồn nhân lực.

Thực hiện chủ trương đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại, trong những năm qua, đặc biệt là thời kỳ đổi mới, đến nay chúng ta đã có quan hệ kinh tế với 221 nước và vùng lãnh thổ, đồng thời đã là thành viên chính thức của WTO, thị trường lao động VN hơn bao giờ hết đang đứng trước thời cơ và thách thức lớn.

Trước hết, hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra một dòng chảy về vốn, công nghệ và dịch vụ tiên tiến từ các nước phát triển đổ vào VN (năm 2007, dự báo có hơn 20 tỷ USD vốn FDI), chính vốn đầu tư và công nghệ mới đó tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhiều ngành nghề, lãnh vực mới xuất hiện. Tiếp đó là sự xuất hiện các doanh nghiệp, công nghệ mới đã tạo điều kiện cho cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế, giữa các loại hình doanh nghiệp. Rõ ràng các công ty phải cạnh tranh với nhau để có năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt. Thông qua cạnh tranh các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong "một thế giới phẳng", bên cạnh lợi thế về tài nguyên, vị trí địa lý thì yếu tố có ý nghĩa quyết định đó là chất lượng nguồn nhân lực và việc sử

dụng nó một cách có hiệu quả.

Hội nhập quốc tế gắn liền với phân công lao động quốc tế theo hướng chuyên môn hóa. Chúng ta trở thành thành viên của WTO, thị trường lao động nước ta sẽ có những biến động lớn. Việc tham gia hình thành "chuỗi giá trị", đã làm cho thị trường lao động nước ta vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực.

Trong những năm vừa qua, nguồn lao động nước ta được đánh giá là dồi dào, trẻ, giá nhân công rẻ. Song trong quá trình hội nhập, một thực tế nảy sinh là lao động nước ta có sức cạnh tranh thấp so với các nước trong khu vực. Nếu vì những lý do khác nhau mà nền giáo dục nước ta mấy năm qua gặp phải tình trạng "thừa thầy thiếu thợ", thì trong lãnh vực dạy nghề cũng có tình trạng đáng buồn vừa yếu về kỹ năng vừa thiếu ý thức tổ chức kỷ luật. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tham gia của lao động VN trong việc phân công lao động quốc tế ngay tại thị trường trong nước.

Từ sự phân tích trên, về mặt nhận thức, chúng ta cũng thấy rằng hội nhập quốc tế, phân công lao động sâu sắc đã tạo cho thị trường lao động nước ta nhiều cơ hội, song thị trường lao động nước ta còn ở dạng sơ khai, thất nghiệp trá hình và dư thừa lao động còn rất lớn, thiếu nghiêm trọng lực lượng lao động công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, đặc biệt là trong nông nghiệp và khu vực doanh nghiệp nhà nước. Trong khi đó, hội nhập cũng đòi hỏi chúng ta chấp nhận quy luật chung của nền kinh tế thị trường với những nguyên tắc cơ bản là: Thị trường không phân biệt đối xử và minh bạch. Do vậy, dù có nhiều việc làm hơn, thu hút lao động nhiều hơn, song yêu cầu chất lượng lao động cũng cao hơn, điều đó đã làm cho cơ hội đến với việc làm của người lao động không giống nhau. Trong thời gian trước mắt do các doanh nghiệp nhà nước còn được bảo hộ, các doanh nghiệp khu vực tư nhân phát triển nhanh, vốn để tạo ra việc làm do công nghệ mới chưa nhiều, tình trạng thất nghiệp còn chưa bức xúc, song tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm sẽ nhiều hơn khi mà điều kiện trên đã thay

đổi ở tương lai không xa.

Hội nhập quốc tế trong điều kiện hiện nay đang đặt ra cho chúng ta những vấn đề lớn có ý nghĩa chiến lược. Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, thành công lớn nhất của nước ta là luôn giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong nhiều năm, nhờ đó đã đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển. Một trong những nguyên nhân đóng góp cho sự nghiệp thành công đó là lao động, nguồn nhân lực. Theo đánh giá của các chuyên gia ILO (Tổ chức lao động quốc tế) trong những năm qua lao động VN đã đóng góp hơn 20% cho tăng trưởng, vốn khoảng trên dưới 60%, còn lại là các yếu tố khác. Yếu tố lao động đề cập, đây không chỉ là nguồn lao động chung chung mà đó là sự gắn kết giữa các yếu tố của quá trình lao động, với chất lượng lao động cao và quan hệ cung - cầu của thị trường lao động phát triển. Bởi vì, thị trường lao động là một bộ phận hữu cơ của hệ thống các loại thị trường trong nền kinh tế, nó tồn tại trong sự tác động qua lại với các thị trường khác.

Phát triển thị trường lao động hiện nay ở nước ta cần có sự tác động mạnh mẽ cả vào cung và cầu nhằm tạo ra trạng thái cân bằng tích cực. Chính sách dân số thích hợp là nhằm giữ quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số, chính sách đó có tác động trực tiếp đến phát triển nguồn nhân lực. Trong những năm tới cung của chúng ta hãy còn rất lớn, đây được coi là tiềm năng phát triển, để tiềm năng đó thành hiện thực cần phải tìm mọi biện pháp mở rộng cầu, gắn nguồn nhân lực với việc làm có chất lượng, năng suất cao nhằm mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực là con đường ngắn nhất thực hiện thành công CNH, HĐH ở nước ta ■

Tài liệu tham khảo:

1. Kinh tế 2006-2007 VN và thế giới, Thời báo Kinh tế VN, Hà Nội 2007.
2. Tạp chí Lao động và Xã hội, các số 306; 311; 318; 322 (2007). Bộ lao động, thương binh và xã hội.
3. Báo cáo kết quả "Điều tra lao động việc làm hàng năm, 1.7.2005". Bộ lao động, thương binh và xã hội.
4. Niên giám Thống kê 2006, NXBTK, Hà Nội 2007.
5. Phạm Quý Thọ: "Thị trường lao động VN-Thực trạng và các giải pháp phát triển. NXBLD. Hà Nội 2003.